

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 9 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- **Thư ký phiên toà:** Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị A (Tuyết H), sinh năm: 24/9/1992. Số CCCD 064192008014 cấp ngày 03/6/2022. Địa chỉ thường trú: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nay là Thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai (có mặt).

* **Bị đơn:** Ông Trần Trung H, sinh năm: 1986. Số CCCD 096086013907 cấp ngày 26/9/2022. Địa chỉ: Nhà không số, đường P, khóm 3, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là Nhà không số, đường P, khóm 32, phường T, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ nơi làm việc: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là xã S, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn các khởi kiện ngày 04/4/2025, ngày 14/5/2025, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Trung H chung sống như vợ chồng từ năm 2014, đến ngày 02/8/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, do ông H thiếu quan tâm vợ con, bà và ông H đã không còn chung sống vợ chồng từ giữa tháng 8/2018. Bà Vũ Thị A yêu cầu ly hôn với ông Trần Trung H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Vũ Anh K, sinh ngày 05/11/2014, hiện đang sống cùng bà A. Khi ly hôn bà A yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Trần Trung H trình bày: Về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà A trình bày. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thống nhất tiếp tục giao con chung tên Vũ Anh K, sinh ngày 05/11/2014, cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tự thỏa thuận về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H đăng ký địa chỉ thường trú tại khóm 3, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là khóm 32, phường T, tỉnh Cà Mau. Hiện nay ông đang làm việc tại khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là xã S, tỉnh Cà Mau. Ông H yêu cầu Tòa án nhân khu vực 1-Cà Mau, tỉnh Cà Mau tiếp tục giải quyết vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Vũ Thị A và ông Trần Trung H kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân Phường T, tỉnh Cà Mau. Bà A yêu cầu ly hôn với ông H. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H có địa chỉ đăng ký thường trú tại Phường T, tỉnh Cà Mau, đang làm việc tại xã S, tỉnh Cà Mau nhưng bà A và ông H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 1 – Cà Mau đúng theo quy định Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Đối với ông Trần Trung H, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà A và ông H thống nhất xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã. Xét thấy ông bà đã không còn chung sống từ năm 2018 đến nay, bà A yêu cầu ly hôn, ông H thống nhất ly hôn, không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, thể hiện mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, nên chấp nhận cho bà A ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Vũ Anh K, sinh ngày 05/11/2014, hiện đang sống cùng bà A. Khi ly hôn bà A và ông H thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Tự thỏa thuận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo ổn định cho con chung cần tiếp tục giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông H thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà A và ông H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà A phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 40, 207, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Vũ Thị A được ly hôn với ông Trần Trung H.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Vũ Anh K, sinh ngày 05/11/2014 cho bà Vũ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), bà Vũ Thị A phải nộp. Ngày 02/6/2025 bà Vũ Thị A đã nộp tạm ứng án phí trực tuyến số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1- Cà Mau theo lai thu số 13 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND P.Tân Thành, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu